



yǐn jūn zǐ
瘾君子

noun · addict

Example Sentences

tā céng jīng shì gè yǐn jūn zǐ dàn xiàn zài yǐ jīng wán quán jiè diào le
他曾经是个瘾君子，但现在已经完全戒掉了。

He used to be an addict, but now he has completely quit.

shè qū bāng zhù le xǔ duō yǐn jūn zǐ chóng xīn kāi shǐ zhèng cháng shēng huó
社区帮助了许多瘾君子重新开始正常生活。

The community helped many addicts restart a normal life.

Trace each character, then write the word on your own.

瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾
瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾	瘾			
君	君	君	君	君	君	君	君	君	君	
子	子	子	子	子	子					